TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54**/2022/DS-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Hòa;

2. Ông Lý Xuân Phong.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Lê Tuệ H, sinh năm 1984; địa chỉ: đường B, khu dân cư L, phường T, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn *(theo Giấy ủy quyền công chứng ngày 07/9/2022)*:

+ Anh Trần Văn H1, sinh năm 1990; địa chỉ: số 17, khu phố 05, phường 4, thành phố N, tỉnh N.

+ Anh Lê Phan H2, sinh năm 1993; địa chỉ: đường B, khu dân cư L, phường T, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* anh Trần Văn T, sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: thôn P, xã M, huyện S, tỉnh N; chỗ ở hiện nay: số 154/6/2 Nguyễn Phúc C, Phường 15, Quận B, Thành phồ Hồ Chí Minh.

Những người tham gia tố tụng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2022, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: anh Lê Tuệ H quen biết anh Trần Văn T đã lâu. Khi anh T gặp khó khăn về tài chính trong đầu năm 2021, anh H đã cho anh T vay số tiền 400.000.000 đồng trong 03 tháng với lãi suất 1%/tháng và thế chấp bằng tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 088494, số vào sổ cấp GCN: H00480 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh D cấp ngày 07/11/2007. Anh T tự lập giấy vay tiền và giao cho anh H. Anh T đã nhận đủ số tiền vay trên nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như cam kết, dù anh H đã nhiều lần nhắc nhở.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 17/01/2021 đến 17/7/2022 và đề nghị Tòa án không xem xét, xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 088494, số vào sổ cấp GCN: H00480 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh D cấp ngày 07/11/2007. Nay anh H yêu cầu Tòa án buộc anh T có nghĩa vụ trả tổng số tiền 460.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi từ ngày 17/01/2021 đến 17/7/2022 là 60.000.000 đồng. Anh H không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 17/8/2022, bị đơn - anh T trình bày: vào khoảng đầu tháng 01/2021 anh có gặp anh H tại Hội trường phường B, thành phố A trong một buổi họp về đền bù và hỗ trợ tái định cư dự án mở đường. Tại đây, anh và anh H có nói chuyện rồi xin số điện thoại của nhau. Sau vài ngày anh H giới thiệu cho anh một địa chỉ web trong đó có 17.000 điểm tương đương với số tiền 400.000.000 đồng và nói: *"anh không cần bỏ tiền và viết cho em giấy nợ 400.000.000 đồng là được"*. Anh đồng ý và viết giấy nợ cho anh H mà không nhận đồng tiền nào từ anh H. Viết giấy nợ xong, anh H đưa cho anh trang web: *https://www.mastermaker.global*, trong đó có 17.000 điểm và hướng dẫn anh cách đầu tư. Đến ngày 12/4/2021, anh đầu tư thắng 41.000 điểm tương đương 964.000.000 đồng nên anh gọi điện cho anh H yêu cầu rút lại 564.000.000 đồng và hủy bỏ giấy vay tiền 400.000.000 đồng. Hai ngày sau, anh vào lại trang web trên thì trang này báo không tồn tại. Anh H bảo hệ thống đang nâng cấp, chờ thời gian mới rút tiền được. Anh chờ hơn cả tháng vẫn không vào được trang web và anh H cũng trả lời anh chờ thêm thời gian nữa mới lấy tiền được, anh đã gọi cho

anh H rất nhiều lần nhưng không lấy tiền được. Nay anh H khởi kiện buộc anh trả tiền vay anh không đồng ý vì anh H vẫn còn thiếu anh 24.000 điểm tương đương 564.000.000 đồng. Anh nhận thấy anh H có hành vi lừa đảo, muốn chiếm đoạt tài sản là sổ đỏ của anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh T có nơi cư trú tại thôn P, xã M, huyện S, tỉnh N. Anh H yêu cầu anh T trả số tiền đã vay và lãi suất theo thỏa thuận, tổng số tiền là 460.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật giải quyết là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng: hợp đồng vay tài sản giữa anh H với anh T được thực hiện dưới hình thức giấy vay tiền do anh T lập ngày 17/01/2021. Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo về mặt hình thức và nội

dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện:

Theo Giấy vay tiền ngày 17/01/2021, anh T vay của anh H số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 17/01/2021. Hợp đồng thỏa thuận lãi suất 1%/tháng (12%/năm) nhưng anh H chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 17/01/2021 đến 17/7/2022 với tổng số tiền 460.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi 60.000.000đ. Đã hết thời hạn vay các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, anh H khởi kiện yêu cầu anh T một lần tổng số tiền là 460.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi 60.000.000đ là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 17/8/2022, anh T thừa nhận có viết giấy vay tiền để vay của anh H số tiền 400.000.000 đồng, mục đích quy đổi sang 17.000 điểm để đầu tư tại địa chỉ web có tên *https://www.mastermaker.global* mà anh H giới thiệu, anh không nhận bất kỳ đồng tiền nào từ anh H. Tuy nhiên, tại giấy vay tiền ngày 17/01/2021 không thể hiện nội dung nào liên quan đến địa chỉ web *https://www.mastermaker.global* cũng như thỏa thuận giữa anh H và anh T về việc quy đổi số tiền vay 400.000.000 đồng sang 17.000 điểm. Anh T cung cấp các ảnh chụp màn hình điện thoại (bản photo) tin nhắn giữa anh với người có tên *"Hiếu Gần Đất"*, nhưng nội dung tin nhắn không thể hiện có liên quan đến số tiền vay 400.000.000 đồng và các ảnh này không phải là chứng cứ theo quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra theo anh T, sau khi trừ đi số tiền 400.000.000 đồng theo giấy vay tiền thì anh H còn nợ lại anh 564.000.000 đồng (tương đương 24.000 điểm), nhưng anh không có đơn yêu cầu phản tố nên không có cơ sở để xem xét trong vụ án này, anh T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh T có nghĩa vụ trả cho anh H tổng số tiền 460.000.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 400.000.000 đồng và nợ lãi từ ngày 17/01/2021 đến 17/7/2022 là 60.000.000 đồng là phù hợp với các quy định tại các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy

định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tuệ H về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

1. Anh Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho anh Lê Tuệ H tổng số tiền 460.000.000 *(bốn trăm sáu mươi triệu)* đồng, trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng và nợ lãi là 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 22.400.000 *(Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn)* đồng anh Trần Văn T phải chịu. Hoàn trả cho anh Lê Tuệ H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 *(Mười triệu)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004758 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Sen